

## THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG MANULIFE (“MAFBAL”)

Kính gửi: Đại hội Nhà Đầu Tư Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife (MAFBAL)

Chúng tôi báo cáo UBCKNN về việc sửa đổi, bổ sung tại Bản Cáo Bạch của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife (MAFBAL) như sau:

Khoản mục, điều	Nội dung CŨ	Nội dung MỚI	Lý do sửa đổi, bổ sung
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	Email: manulifeamvn@manulifeam.com	Email: quymomanulife@manulifeam.com	Cập nhật theo thực tế
I. NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	<p>1. Tổ chức phát hành - Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (Manulife IM (VN)) Ban Giám Đốc Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) bao gồm:</p> <p>Bà Trịnh Bích Ngọc                      Chủ tịch Bà Trần Thị Kim Cương                      Tổng Giám Đốc Bà Lê Thị Kim Dung                      Kế Toán Trưởng</p>	<p>1. Tổ chức phát hành - Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (Manulife IM (VN)) Ban Giám Đốc Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) bao gồm:</p> <p>Ông Gianni Fiacco                      Chủ tịch Bà Trần Thị Kim Cương                      Tổng Giám Đốc Bà Lê Thị Kim Dung                      Kế Toán Trưởng</p>	Bổ nhiệm Chủ tịch Công Ty
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE INVESTMENT (VIỆT NAM)	<p>6. Cơ Cấu Tổ Chức Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) Bà Trịnh Bích Ngọc - Chủ tịch Trình độ chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tốt nghiệp Học viện Quan hệ Quốc tế, Postdam, CHDC Đức cũ</li> <li>Học vị FLMI do Hiệp hội Quốc tế đào tạo chuyên ngành tài chính bảo hiểm LOMA cấp</li> <li>Kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán do UBCKNN Việt Nam đào tạo</li> </ul> <p>Kinh nghiệm làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1990 - 1994: Cán bộ tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, CARE International</li> <li>1994 - 2000: Trợ lý Trưởng Đại diện, VPĐD Công ty Manulife Financial (Canada) tại Hà Nội</li> <li>2000 – nay: Giám Đốc Điều Hành, Chi nhánh Hà Nội, Công Ty TNHH Manulife (Việt Nam)</li> <li>2006 – nay Chủ tịch, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) từ tháng 06 năm 2006</li> </ul>	<p>6. Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) Ông Gianni Fiacco - Chủ tịch Trình độ chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân Thương mại, Đại học Toronto</li> <li>Kế toán viên công chứng (CA), Viện Kế toán Công chứng Ontario</li> <li>Kiểm toán viên công chứng (CPA), Viện Kế toán Công chứng Ontario</li> </ul> <p>Kinh nghiệm làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>2000 – 2005: Trưởng phòng Kiểm toán và Tư vấn, PwC LLP, Canada</li> <li>2005 – 2006: Giám đốc Chính sách Kế toán Toàn cầu, Manulife, Canada</li> <li>2006 – 2007: Phó Chủ tịch, Giám Đốc Chính sách kế toán toàn cầu, Manulife, Canada</li> <li>2007 – 2013: Chủ tịch, Giám Đốc Kiểm soát khu vực, Manulife Châu Á, Hong Kong</li> <li>2013 – 2015: Chủ tịch, Giám Đốc Nhân sự, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong</li> <li>2015 – 2017: Chủ tịch, Giám Đốc Điều hành, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong</li> <li>2017 – nay: Phó Chủ tịch cấp cao, Giám đốc Thị trường Mới nổi, Manulife Investment Châu Á, Hong Kong</li> </ul>	Bổ nhiệm Chủ tịch Công Ty



Khoản mục, điều	Nội dung Cũ	Nội dung Mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																
X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	<p>1. Quy định chung về Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở</p> <p>Ngày Giao Dịch (Ngày T): Ngày Giao Dịch của Quỹ là Thứ Tư và Thứ Sáu hàng tuần.</p> <p>Nếu Thứ Tư và/hoặc Thứ Sáu là ngày nghỉ của thị trường chứng khoán Việt Nam thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong ngày nghỉ đó và Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ kế tiếp sẽ là Thứ Tư hoặc Thứ Sáu (ngày làm việc) tiếp theo.</p> <p>Tần suất giao dịch của Quỹ: 2 lần/tuần.</p>	<p>1. Quy định chung về Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở</p> <p>Quy định hiện tại về Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch</p> <p>Ngày Giao Dịch (Ngày T): Ngày Giao Dịch của Quỹ là Thứ Tư và Thứ Sáu hàng tuần.</p> <p>Nếu Thứ Tư và/hoặc Thứ Sáu là ngày nghỉ của thị trường chứng khoán Việt Nam thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong ngày nghỉ đó và Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ kế tiếp sẽ là Thứ Tư hoặc Thứ Sáu (ngày làm việc) tiếp theo.</p> <p>Tần suất giao dịch của Quỹ: hai (02) lần/tuần</p> <p>Quy định mới về Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch năm (05) lần/tuần (hàng ngày) sẽ được triển khai chậm nhất vào Quý 1/2025. Việc triển khai Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch mới này sẽ được công bố thông tin ít nhất bảy (07) ngày trước khi triển khai.</p> <p>Ngày Giao Dịch (Ngày T): Ngày Giao Dịch của Quỹ là các ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần.</p> <p>Nếu Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ của thị trường chứng khoán Việt Nam thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong ngày nghỉ đó và Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ kế tiếp sẽ là ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Tần suất giao dịch của Quỹ: năm (05) lần/tuần (hàng ngày)</p>	Thay đổi do tăng tần suất giao dịch lên năm (05) lần/tuần (hàng ngày)																																
XI. PHÍ VÀ LỆ PHÍ CỦA QUỸ	<p>2.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát:</p> <p>a. Giá dịch vụ giám sát là:</p> <table><tr><td>Quy mô Quỹ</td><td>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần</td></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,025% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,022% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,0187% một năm</td></tr></table> <p>b. Giá dịch vụ lưu ký là:</p> <table><tr><td>Quy mô Quỹ</td><td>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng)</td></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,06% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,0525% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,045% một năm</td></tr></table> <p>c. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 150.000 đồng/mỗi mã chứng khoán/mỗi Ngày Giao Dịch, tối đa là 0,1% NAV/năm.</p> <p>d. Số giá dịch vụ giám sát, lưu ký trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>e. Công thức tính (trích lập) giá dịch vụ giám sát, lưu ký</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần	Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng)	Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm	<p>2.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát:</p> <p>2.2.1 Quy định hiện tại về Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát:</p> <p>a. Giá dịch vụ giám sát:</p> <table><tr><td>Quy mô Quỹ</td><td>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần</td></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,025% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,022% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,0187% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ giám sát: 5.000.000 đồng/tháng</p> <p>b. Giá dịch vụ lưu ký:</p> <table><tr><td>Quy mô Quỹ</td><td>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần</td></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,06% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,0525% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,045% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ lưu ký: 15.000.000 đồng/tháng</p> <p>Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 150.000 đồng hoặc 300.000 đồng/giao dịch (phụ thuộc việc xử lý tự động hoặc không tự động), tối đa là 0,1% NAV/năm (được tính toán và điều chỉnh hàng tháng dựa trên NAV cuối tháng).</p> <p>c. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần	Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần	Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm	Thay đổi do tăng tần suất giao dịch lên năm (05) lần/tuần (hàng ngày)
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần																																		
Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm																																		
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm																																		
Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm																																		
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng)																																		
Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm																																		
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm																																		
Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm																																		
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần																																		
Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm																																		
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm																																		
Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm																																		
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần																																		
Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm																																		
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm																																		
Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm																																		

Khoản mục, Điều	Nội dung Cũ	Nội dung Mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																								
	<p>tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>f. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366). Giá dịch vụ xác nhận Giá trị Tài sản ròng: 7.000.000 đồng/tháng.</p> <p><b>2.3</b> Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các giá dịch vụ khác mà Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan</p> <p>a. Giá dịch vụ quản trị Quỹ là:</p> <table><tr><th>Quy mô Quỹ</th><th>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần</th></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,042% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,033% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,024% một năm</td></tr></table> <p>b. Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (phí duy trì Nhà Đầu Tư hàng năm) là 0,045% NAV/năm đối với tần suất giao dịch hai lần một tuần của Quỹ và được chi trả hằng tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>c. Công thức tính (trích lập) Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>d. Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366)</p> <p>e. Mức Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng này không bao gồm các loại giá dịch vụ khác do Đại Lý Chuyển Nhượng thu như sau:</p> <p>i. Đối với giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ: 0,03% giá trị giao dịch cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ.</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần	Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm	<p>Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>d. Công thức tính (trích lập) giá dịch vụ giám sát, lưu ký tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366).</p> <p>e. Trường hợp mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tháng được áp dụng, công thức tính (trích lập) giá dịch vụ giám sát, lưu ký tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho Ngày Định Giá = Mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tháng tính theo năm x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/365 (366)</p> <p><b>2.2.2</b> Quy định mới về Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát sẽ được áp dụng khi triển khai thực hiện Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch mới năm (05) lần/tuần (hàng ngày) chậm nhất vào Quý 1/2025: Việc triển khai Giá dịch vụ mới này sẽ được công bố thông tin ít nhất bảy (07) ngày trước khi triển khai.</p> <p>a. Giá dịch vụ giám sát:</p> <p>i. Giá dịch vụ giám sát tuần thủ</p> <table><tr><th>Quy mô Quỹ</th><th>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)</th></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,025% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,022% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,0187% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ giám sát tuần thủ: 5.000.000 đồng/tháng</p> <p>ii. Giá dịch vụ xác nhận giá trị tài sản ròng của Quỹ: 7.000.000 đồng/tháng.</p> <p>b. Giá dịch vụ lưu ký:</p> <table><tr><th>Quy mô Quỹ</th><th>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)</th></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,06% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,0525% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,045% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ lưu ký: 15.000.000 đồng/tháng</p> <p>Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 150.000 đồng hoặc 300.000 đồng/giao dịch (phụ thuộc việc xử lý tự động hoặc không tự động).</p> <p>c. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>d. Công thức tính (trích lập) giá dịch vụ giám sát, lưu ký tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)	Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)	Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm	
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần																										
Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm																										
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm																										
Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm																										
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)																										
Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm																										
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm																										
Trên 1000 tỷ đồng	0,0187% một năm																										
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)																										
Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm																										
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm																										
Trên 1000 tỷ đồng	0,045% một năm																										

Khoản mục, điều	Nội dung Cũ	Nội dung MỚI	Lý do sửa đổi, bổ sung								
	<p>ii. Đối với giao dịch chuyển đổi Quỹ: 0,03% giá trị thực hiện giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại.</p> <p>iii. Đối với giao dịch chi trả cổ tức bằng tiền cho Nhà Đầu Tư: 0,03% giá trị cổ tức được trả/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi lần chi trả.</p> <p>iv. Đối với giao dịch tái đầu tư cổ tức: 0,03% giá trị tái đầu tư/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi giao dịch tái đầu tư.</p>	<p>Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366).</p> <p>e. Trường hợp mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tháng được áp dụng, công thức tính (trích lập) giá dịch vụ giám sát, lưu ký tại các Ngày Định Giá như sau: Giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho Ngày Định Giá = Mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tính theo năm x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/365 (366)</p> <p><b>2.3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các giá dịch vụ khác mà Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan</b></p> <p><b>2.3.1 Quy định hiện tại về Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các giá dịch vụ khác mà Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan</b></p> <p>a. Giá dịch vụ quản trị Quỹ:</p> <table><tr><th>Quy mô Quỹ</th><th>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần</th></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,042% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,033% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,024% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ quản trị Quỹ: 5.000.000 đồng/tháng</p> <p>b. Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:</p> <p>i. Giá dịch vụ duy trì dữ liệu là 0,045% NAV/năm và được chi trả hằng tháng.</p> <p>ii. Giá dịch vụ giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ: 0,03% giá trị giao dịch cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ.</p> <p>iii. Giá dịch vụ giao dịch chuyển đổi Quỹ: 0,03% giá trị thực hiện giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại.</p> <p>iv. Giá dịch vụ giao dịch chi trả cổ tức bằng tiền cho Nhà Đầu Tư: 0,03% giá trị cổ tức được trả/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi lần chi trả.</p> <p>v. Giá dịch vụ giao dịch tái đầu tư cổ tức: 0,03% giá trị tái đầu tư/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi giao dịch tái đầu tư.</p> <p>vi. Mức giá tối thiểu cho các công việc thuộc dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (không bao gồm giao dịch phân phối cổ tức tính theo thực tế phát sinh) là 8.000.000 đồng/tháng.</p> <p>c. Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>d. Công thức tính (trích lập) Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tại các Ngày Định Giá như sau: Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366)</p> <p>e. Trường hợp mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tháng được áp dụng, công thức tính (trích lập) giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tại các Ngày Định Giá như sau: Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Ngày Định Giá = Mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định hàng tháng tính theo năm x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần	Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm	
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai (02) lần/tuần										
Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm										
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm										
Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm										



Khoản mục, điều	Nội dung CŨ	Nội dung MỚI	Lý do sửa đổi, bổ sung								
		<p>giá/365 (366)</p> <p><b>2.3.2</b> Quy định mới về Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các giá dịch vụ khác của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan sẽ được áp dụng khi triển khai thực hiện Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch mới năm (05) lần/tuần (hàng ngày) chậm nhất vào Quý 1/2025:</p> <p>Việc triển khai Ngày Giao Dịch và Tần suất giao dịch mới này sẽ được công bố thông tin ít nhất bảy (07) ngày trước khi triển khai.</p> <p>a. Giá dịch vụ quản trị Quỹ:</p> <table><tr><th>Quy mô Quỹ</th><th>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)</th></tr><tr><td>Dưới 600 tỷ đồng</td><td>0,042% một năm</td></tr><tr><td>Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng</td><td>0,033% một năm</td></tr><tr><td>Trên 1000 tỷ đồng</td><td>0,024% một năm</td></tr></table> <p>Mức giá tối thiểu cho dịch vụ quản trị Quỹ: 5.000.000 đồng/tháng</p> <p>Giá dịch vụ lập báo cáo tiêu chuẩn cho dịch vụ quản trị Quỹ: 7.000.000 đồng/tháng.</p> <p>b. Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:</p> <p>i. Giá dịch vụ duy trì dữ liệu là 0,045% NAV/năm và được chi trả hằng tháng, tối thiểu là 8.000.000 đồng/tháng.</p> <p>ii. Giá dịch vụ báo cáo giao dịch của Đại Lý Chuyển Nhượng: 9.000.000 đồng/tháng.</p> <p>iii. Giá dịch vụ giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ: 0,03% giá trị giao dịch cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch mua/bán Chứng Chỉ Quỹ.</p> <p>iv. Giá dịch vụ giao dịch chuyển đổi Quỹ: 0,03% giá trị thực hiện giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại, tối đa 45.000 đồng cho mỗi giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ hiện tại.</p> <p>v. Giá dịch vụ giao dịch chi trả cổ tức bằng tiền cho Nhà Đầu Tư: 0,03% giá trị cổ tức được trả/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi lần chi trả.</p> <p>vi. Giá dịch vụ giao dịch tái đầu tư cổ tức: 0,03% giá trị tái đầu tư/Nhà Đầu Tư, tối đa 45.000 đồng/Nhà Đầu Tư/mỗi giao dịch tái đầu tư.</p> <p>vii. Giá dịch vụ tính phí hoa hồng cho Đại Lý Phân Phối: 500.000 đồng/mỗi báo cáo.</p> <p>viii. Giá dịch vụ tính phí thưởng cho Đại Lý Phân Phối: 1.500.000 đồng/mỗi báo cáo.</p> <p>c. Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng trả hằng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các Ngày Định Giá thực hiện trong tháng.</p> <p>d. Công thức tính (trích lập) Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tại các Ngày Định Giá như sau:</p> <p>Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Ngày Định Giá = Tỷ lệ Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x Giá Trị Tài Sản Ròng được xác định vào Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365 (366)</p>	Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)	Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm	Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm	Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm	
Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá năm (05) lần/tuần (hàng ngày)										
Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm										
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,033% một năm										
Trên 1000 tỷ đồng	0,024% một năm										



Khoản mục, điều	Nội dung CŨ	Nội dung MỚI	Lý do sửa đổi, bổ sung
		e. Trường hợp mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định được áp dụng, công thức tính (trích lập) Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tại các Ngày Định Giá như sau: Giá dịch vụ quản trị Quỹ, Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Ngày Định Giá = Mức giá tối thiểu và/ hoặc mức giá cố định tính theo năm x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/365 (366)	
XVIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	<p>PHỤ LỤC II: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH</p> <p>2. Công ty Cổ phần FINCORP</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314127430 chứng nhận lần đầu ngày 23/11/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 09/07/2021.</p> <p>Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở: số 01/GCN-UBCK cấp ngày 02/04/2018.</p> <p>Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 4A/167A Đường Nguyễn Văn Thương, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Điện thoại: (84-28)3636 1079</p> <p>Website: <a href="https://fmarket.vn/home">https://fmarket.vn/home</a></p>	<p>PHỤ LỤC II: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH</p> <p>2. Công Ty Cổ phần FINCORP</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314127430 chứng nhận lần đầu ngày 23/11/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 09/07/2021.</p> <p>Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở: số 01/GCN-UBCK cấp ngày 02/04/2018.</p> <p>Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Điện thoại: (84-28)3636 1079</p> <p>Website: <a href="https://fmarket.vn/home">https://fmarket.vn/home</a></p> <p>3. Công ty Cổ Phần Digi Invest</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109908632 chứng nhận lần đầu ngày 17/02/2022, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23/03/2023.</p> <p>Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở: số 134/GCN-UBCK cấp ngày 21/6/2023</p> <p>Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 2, Tòa nhà Golden West, Số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0878805836</p> <p>Website: <a href="https://digiinvest.vn">https://digiinvest.vn</a></p>	Điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ

Ngày bắt đầu hiệu lực: 10/05/2024.

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung của Quỹ MAFBAL;

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Trần Thị Kim Cương